CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư vấn đầu tư IDICO

Ngày 31/12/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/25
7.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.09| 17.8%
YoY: ▼0.83| -10.4%

LN thuần
Q4/25
0.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.15| -30.4%
YoY: ▼0.18| -34.3%

LN sau thuế
Q4/25
0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.17| -41.3%
YoY: ▲ 0.20| 683%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.8%
YoY: +/-▲ 4.0%

ROE
2025
4.9%
YoY: +/-▲ 3.7%

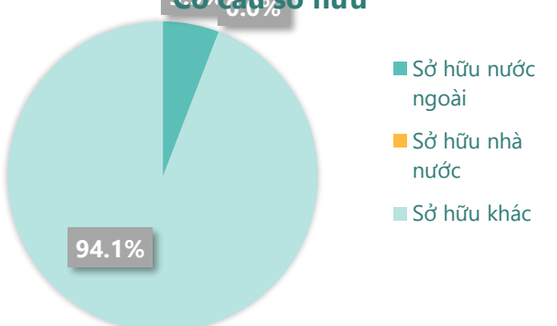
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,000 - 29,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	51
Số lượng CPLH (CP)	3,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	(0.18)
EPS	453
P/E	35.3

DT thuần
2025
25.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.30| 20.1%

LN thuần
2025
2.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.18| 139%

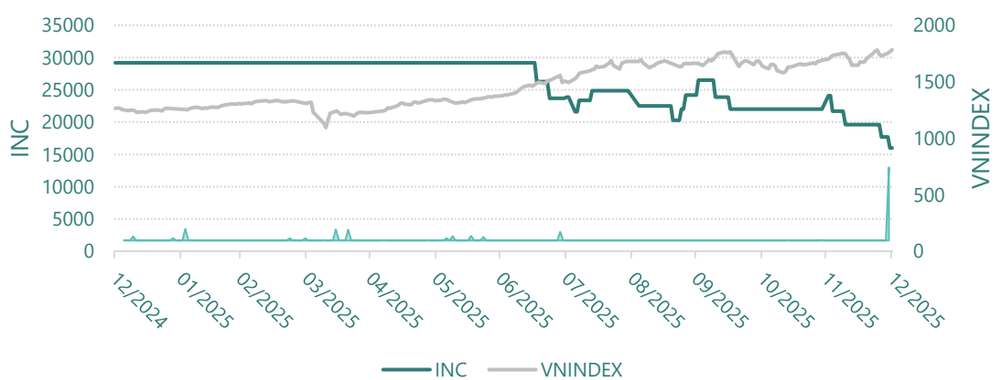
LN sau thuế
2025
1.45
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.16| 405%

Cơ cấu sở hữu

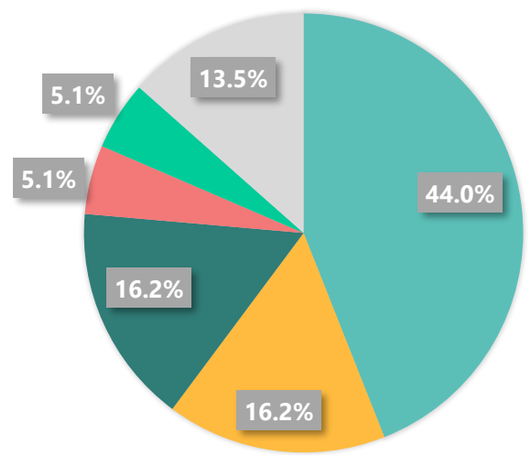


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



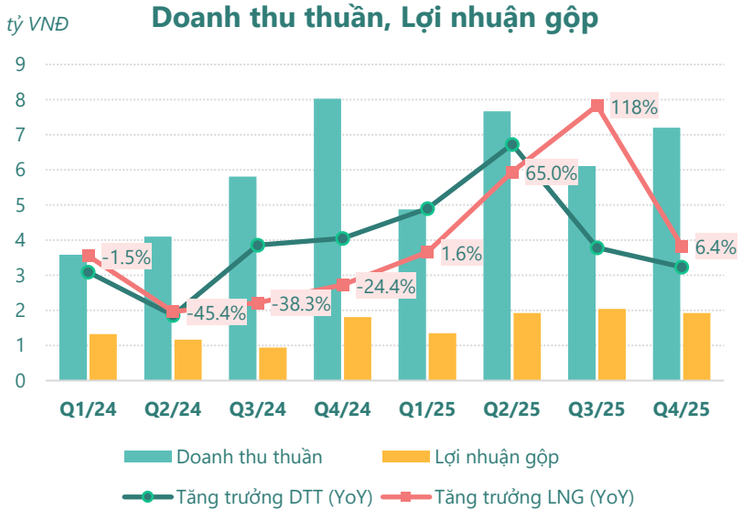
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

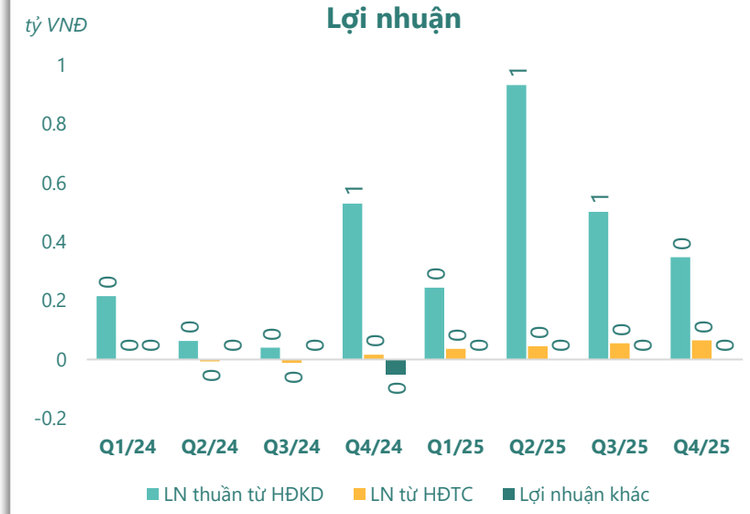
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



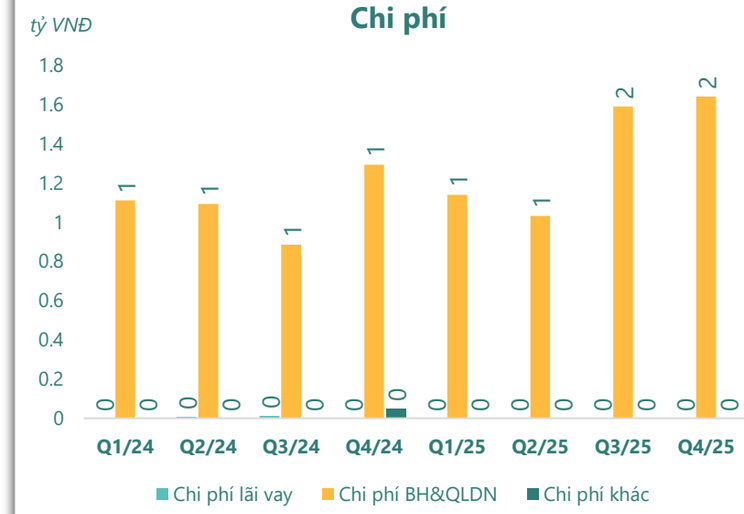
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



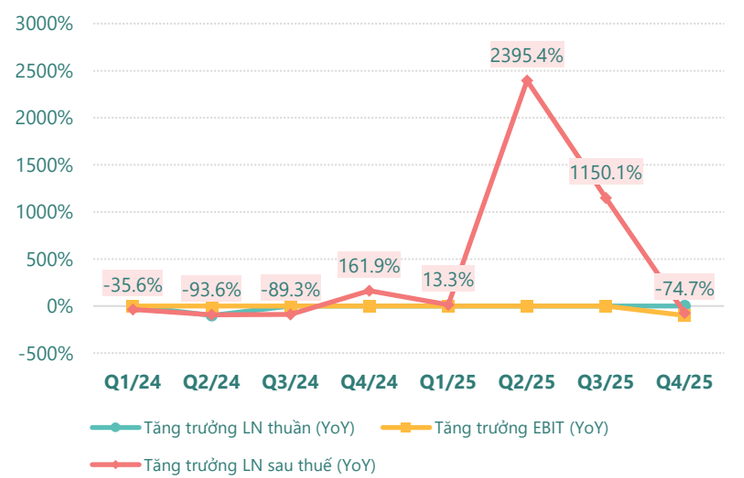
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



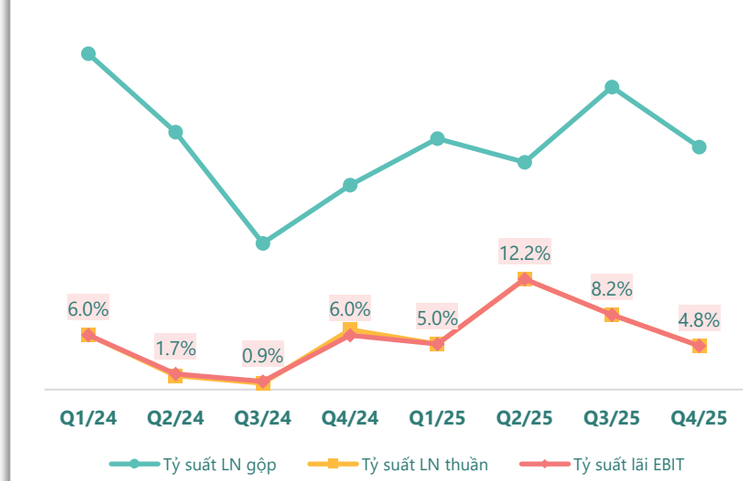
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



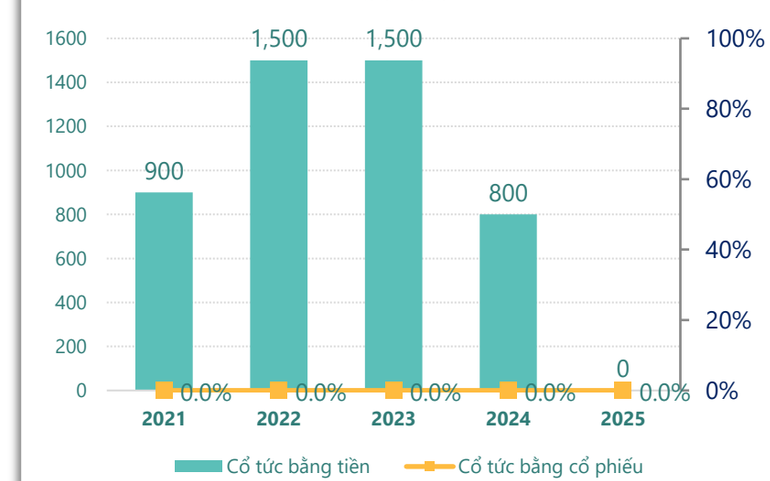
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

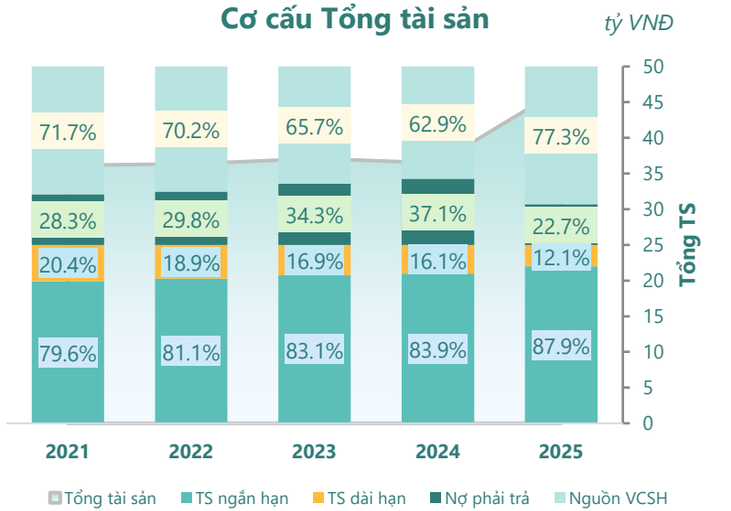
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

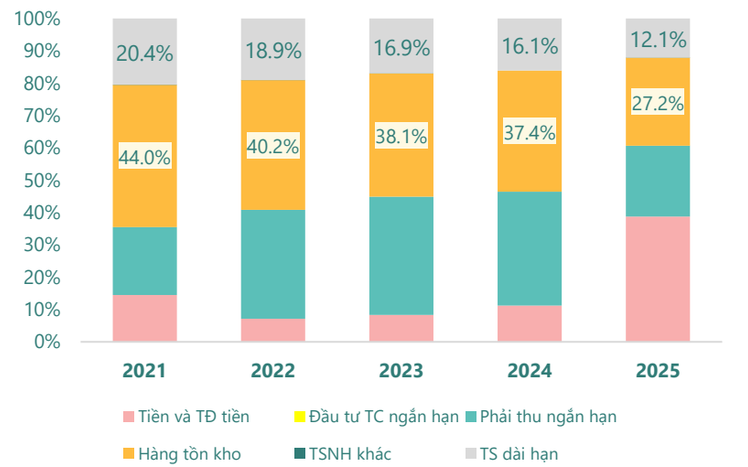
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



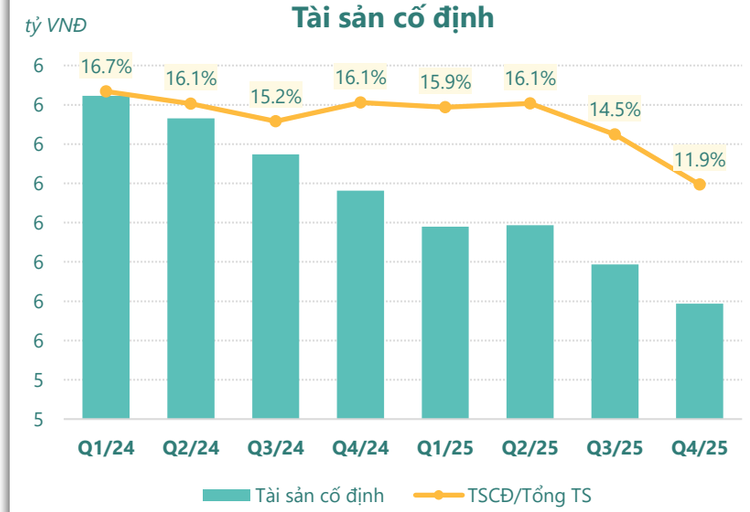
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



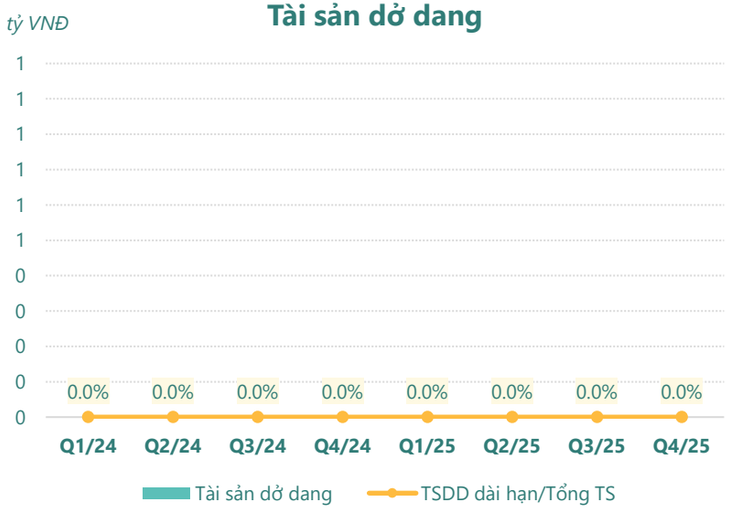
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



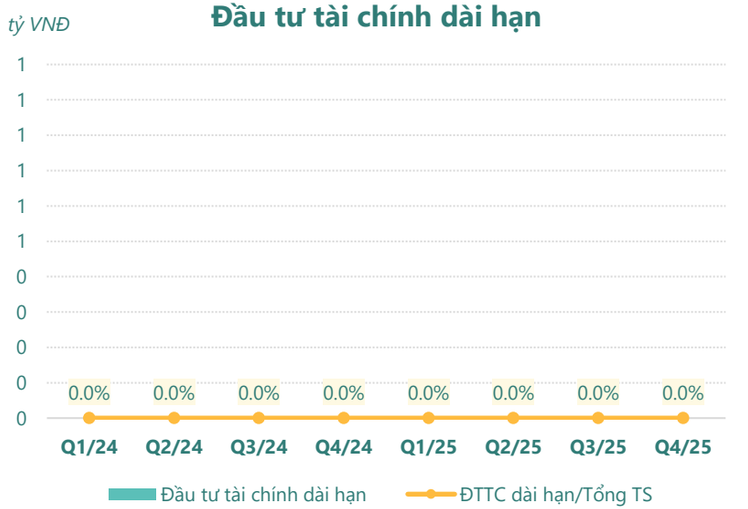
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



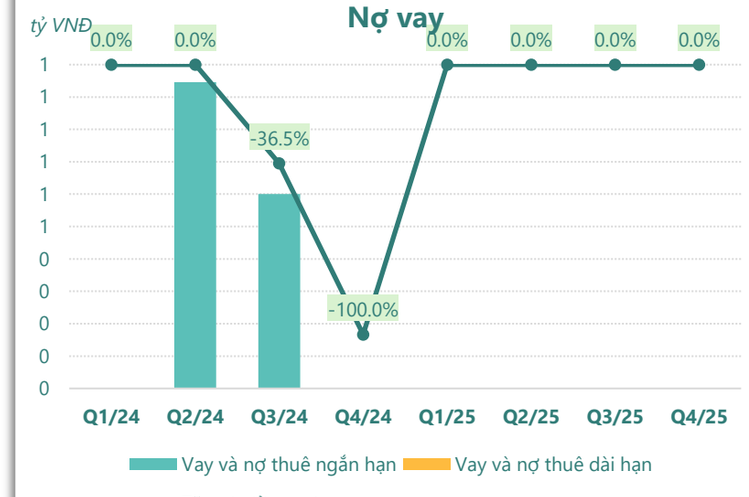
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

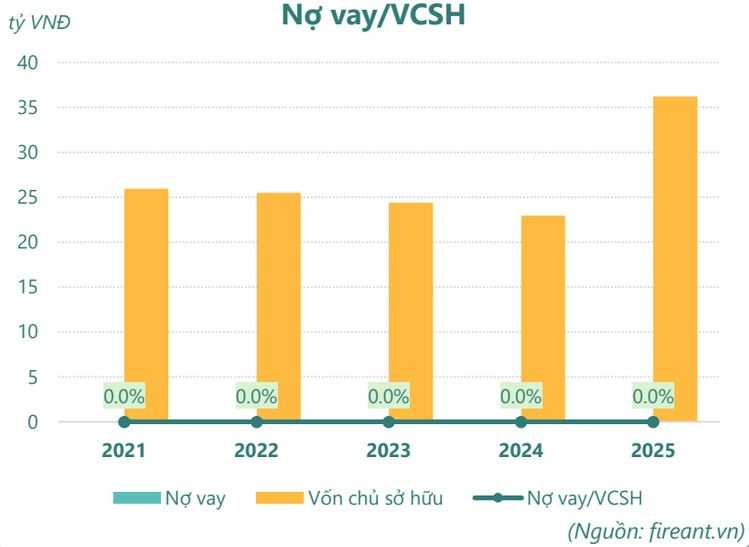
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

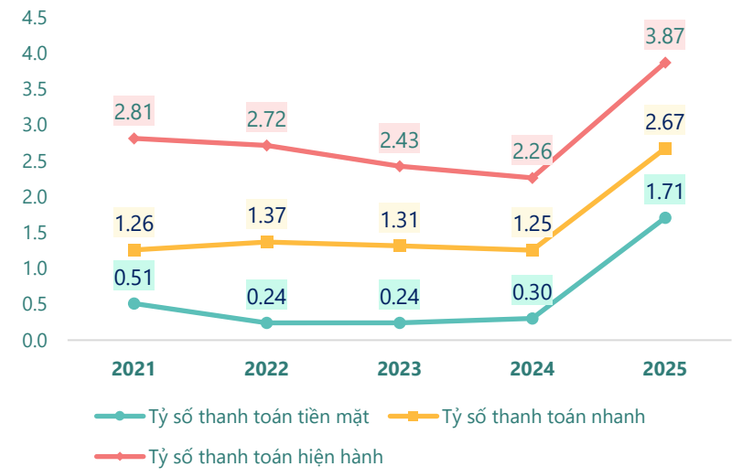
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



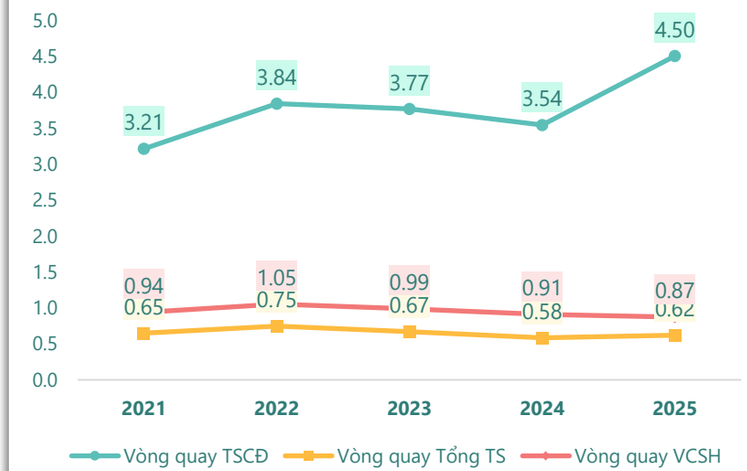
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



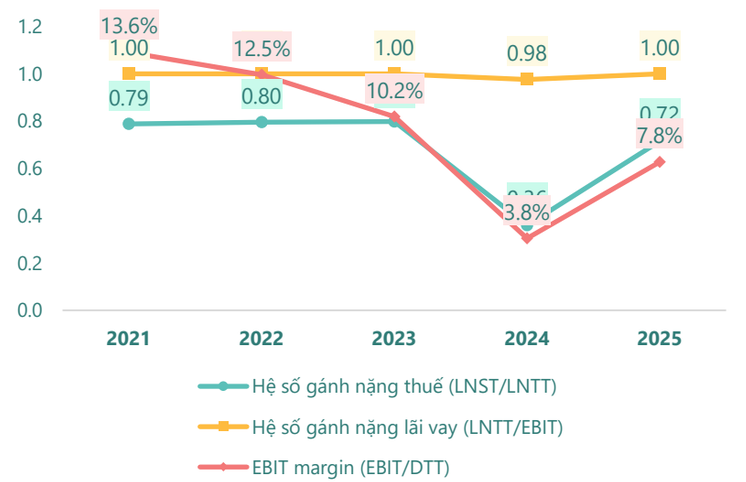
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



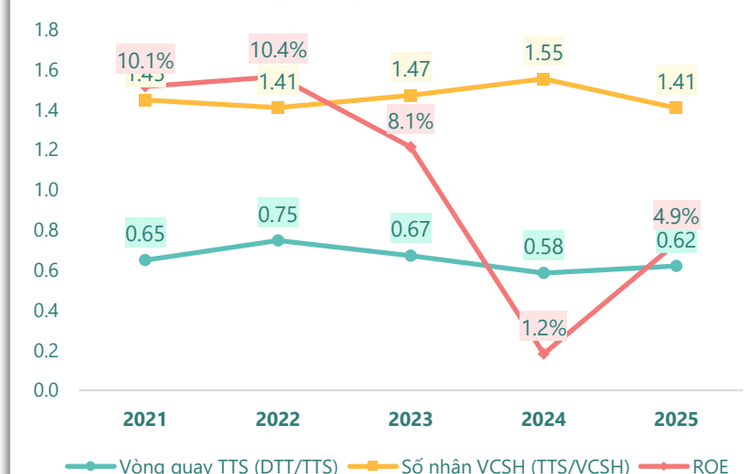
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



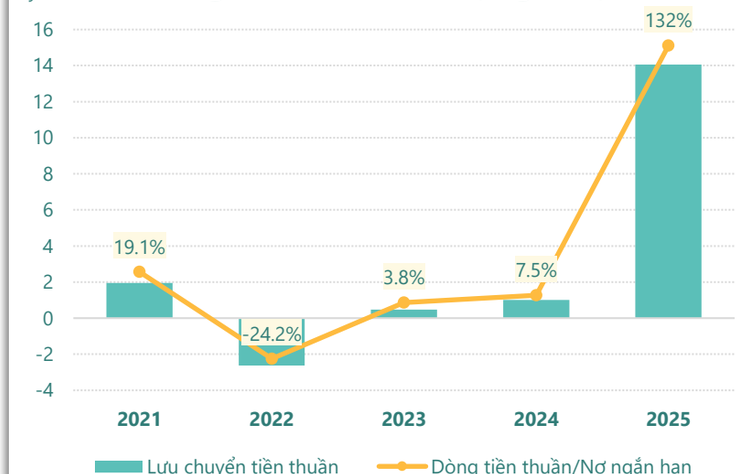
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7.20**	**8.03**	**-10.4%**	**25.8**	**21.5**	**20.1%**
Giá vốn hàng bán	5.27	6.22	-15.2%	18.6	16.3	14.3%
Lợi nhuận gộp	1.92	1.81	6.3%	7.23	5.24	38.1%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.02	224%	0.20	0.02	977%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.02	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.64**	**1.29**	**27.2%**	**5.41**	**4.39**	**23.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.35	0.53	-34.3%	2.03	0.85	139%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.05**	**100%**	**0**	**-0.05**	**100%**
LN trước thuế	0.35	0.48	-27.5%	2.03	0.80	154%
Lợi nhuận sau thuế	**0.23**	**0.03**	**683%**	**1.45**	**0.29**	**405%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.23**	**0.03**	**683%**	**1.45**	**0.29**	**405%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.82	1.80	1.09	3.76	-0.22	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.02	0.04	-0.02	0.01	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.50	-1.18	-0.01	-1.97	0	11.3
Tiền đầu kỳ	1.15	3.47	4.10	5.22	7.00	6.79
Lưu chuyển tiền thuần	**2.32**	**0.63**	**1.12**	**1.78**	**-0.21**	**11.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.47	4.10	5.22	7.00	6.79	18.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**46.9**	**36.5**	**28.4%**
Tài sản ngắn hạn	41.2	30.6	34.6%
Tiền và tương đương tiền	18.2	4.10	342%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10.3	12.9	-20.0%
Hàng tồn kho	12.7	13.6	-6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0	
Tài sản dài hạn	**5.66**	**5.88**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.59	5.88	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.6	13.5	-21.3%
Nợ ngắn hạn	**10.6**	**13.5**	**-21.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.10	3.78	-71.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**36.2**	**23.0**	**57.7%**
Vốn chủ sở hữu	**36.2**	**23.0**	**57.7%**
Vốn điều lệ	32.0	20.0	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)